TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ - ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc: "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959

Địa chỉ: Làng BP, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Cao Xuân M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Làng BP, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2022, bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2022; các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày như sau:

Bà và ông Cao Xuân M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 04 tháng 8 năm 1988. Sau khi kết hôn, bà và ông M chung sống tại làng BP, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu, bà và ông M chung sống bình thường đến năm 2007 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông bà không cùng chung quan điểm nên nhiều lần xảy ra tranh cãi và ông M không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần cố gắng vì các con nhưng đến nay không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân và mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông M nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà và ông Cao Xuân M.

Về con chung: Bà và ông Cao Xuân M có 03 (ba) con chung là Cao Thị Kiều O, sinh năm 1989, Cao Xuân H, sinh năm 1990 và Cao Thị Ngọc D, sinh năm 1995. Các con đều đã thành niên, có gia đình riêng, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà và ông Cao Xuân M không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Cao Xuân M:

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định ông Cao Xuân M không còn cư trú tại địa chỉ làng BP, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai, hiện không xác định được địa điểm nơi ông M chuyển đến sinh sống, làm việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S và triệu tập đối với ông Cao Xuân M để ông trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện trên nhưng ông M không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt ông Cao Xuân M.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Cao Xuân M, việc chấp hành theo pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về yêu cầu ly hôn với ông Cao Xuân M. Bà Nguyễn Thị S phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị S và ông Cao Xuân M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, việc kết hôn được Ủy ban nhân dân xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai công nhận và ghi vào sổ kết hôn ngày 04 tháng 8 năm 1988. Hôn nhân của ông bà tuân thủ theo các Điều 5, 6, 7, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, bà Nguyễn Thị S yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Cao Xuân M, bị đơn có cư trú cuối cùng tại làng BP, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Xuân M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để ông trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà S, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ, hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông M vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương theo biên bản xác minh ngày 06 tháng 5 năm 2022 nhưng không xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông M nhưng ông M không còn cư trú và sinh sống tại nhà của ông bà.

Biên bản xác minh phù hợp với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị S về việc ông bà đã sống ly thân trong thời gian dài. Việc ông Cao Xuân M không cư trú tại nơi ở của vợ chồng từ năm 2020 cho thấy ông M không còn quan tâm, giữ gìn mối quan hệ hôn nhân với bà S; mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm, chia sẻ công việc chung của gia đình.

Như vậy trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn làm rạn nứt nghiêm trọng tình cảm vợ chồng đến mức không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân. Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Cao Xuân M phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, xử cho bà S được ly hôn với ông Cao Xuân M.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Cao Xuân M có 03 (ba) con chung là Cao Thị Kiều O, sinh năm 1989, Cao Xuân H, sinh năm 1990 và Cao Thị Ngọc D, sinh năm 1995. Các con đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, bà Nguyễn Thị S phải chịu lệ phí này. Bà Nguyễn Thị S đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 180, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, 6, 7, 8, 11, 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986

Áp dụng Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S

Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Cao Xuân M

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0001417 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S được quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn ông Cao Xuân M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 69 ngày 04/8/1988);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**